

Bản án số: 55/2018/HS-PT
Ngày: 27-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;
Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989, tại tỉnh Bình Định. Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1960 và bà Trương Thị Ngọc A2, sinh năm 1967; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 08/10/2017 đến ngày 31/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có 06 người đại diện hợp pháp của bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T có giấy phép lái xe hạng C, số 790164089699 do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2016 có giá trị đến ngày 04/5/2021.

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/10/2017, Nguyễn Hữu T điều khiển xe ô tô hiệu HYUNDAI biển số 47P-0969 chở gỗ cao su đi từ xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh đến Công ty gỗ B thuộc ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo đường ĐT A với vận tốc khoảng 50-60km/h. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến giao lộ ngã tư L giữa đường ĐT A và đường ĐH B thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương có hệ thống đèn tín hiệu giao thông nhấp nháy ánh sáng vàng, T nghe điện thoại nên không chú ý quan sát phía trước. Cùng lúc này, có 01 xe ô tô (không xác định được biển số) chạy trên đường ĐH B ngang qua ngã tư, do bất ngờ nên T điều khiển xe tránh qua bên phải thì đụng vào ông Đào Văn C đang đi bộ bên lề phải đường ĐH B làm ông C chết tại chỗ và làm hư hỏng một trụ đèn giao thông trị giá 69.842.100 đồng.

Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 853/GĐPY ngày 12/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Đào Văn C là do đa chấn thương, chấn thương sọ não.

Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐG, ngày 27/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận: 01 (một) trụ đèn tín hiệu giao thông Xanh – Đỏ - Vàng lắp đặt vào năm 2014 với số tiền 132.685.000 đồng đến thời điểm hiện tại lắp đặt mới hoàn toàn là 107.449.386 đồng, sau bốn năm sử dụng khấu trừ hao mòn 35%, còn lại giá trị 69.842.100 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án và được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 08/10/2017 đến ngày 31/12/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 13/3/2018, bị cáo Nguyễn Hữu T làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ

nào mới. Bị cáo chỉ trình bày hoàn cảnh cha mẹ của bị cáo bị bệnh, không lao động được nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu T nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm lo cho cha, mẹ bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T lập ngày 13 tháng 3 năm 2018 được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 08/10/2017, tại giao lộ ngã tư L giữa đường ĐT A và đường ĐH B thuộc ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; bị cáo Nguyễn Hữu T vừa nghe điện thoại, vừa điều khiển xe ô tô hiệu HYUNDAI biển số 47P-0969 chở gỗ cao su đi thẳng qua giao lộ. Cùng lúc này, có 01 xe ô tô (không xác định được biển số) chạy trên đường ĐH B ngang qua ngã tư; do bất ngờ và không chú ý quan sát phía trước nên bị cáo T điều khiển xe tránh qua bên phải thì đụng vào ông Đào Văn C đang đi bộ bên lề phải đường ĐH B làm ông C chết tại chỗ và làm hư hỏng một trụ đèn giao thông trị giá 69.842.100 đồng (theo Kết luận giám định số 69/KL-HĐĐG ngày 27/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D).

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo điều khiển xe lưu thông trên đường nhưng không chú ý quan sát các phương tiện đang lưu thông dẫn đến tai nạn là vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8 và Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ. Hậu quả là gây thiệt hại đến tính mạng của ông Đào Văn C; đồng thời gây tâm lý bất an cho những người tham gia giao thông; ảnh hưởng đến tình hình an toàn giao thông đường bộ tại địa phương. Bị cáo T có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T vẫn thiếu ý thức tuân thủ Luật Giao thông đường bộ khi tham gia giao thông.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo T không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo T là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như:

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại chi phí mai táng số tiền 150.000.000 đồng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đến công an để đầu thú; tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và căn cứ vào nhân thân của bị cáo. Xét thấy, bị cáo T có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Bị cáo có khả năng tự cải tạo nên việc không cách ly bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã có những sai sót như sau:

- Xác định sai tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện D và ông Nguyễn Hữu M được quy định tại các Điều 63, 64 và 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tại Biên bản làm việc (bút lục 141) thể hiện: Bị hại Đào Văn C có vợ là Nguyễn Thị H1 và có 05 người con: Đào Thị H2 sinh năm 1975, Đào Thị H3 sinh năm 1977, Đào Thị T sinh năm 1978, Đào Thị Th sinh năm 1981, Đào Thị Ngọc D sinh năm 1989; cha mẹ của bị hại là ông Hồ Sỹ S chết năm 1999 và bà Nguyễn Thị E chết năm 2007. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có giấy tờ pháp lý thể hiện những người này là cha, mẹ, vợ và các con của bị hại C; không

có giấy chứng tử hoặc biên bản xác minh thể hiện ông Hồ Sỹ S và bà Nguyễn Thị E đã chết (chỉ có sổ hộ khẩu – bút lục số 159 thể hiện bị hại C có vợ là bà H1 và có 03 người con tên H2, T, D).

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bà Đào Thị H3, Đào Thị T và Đào Thị Ngọc D là con của bị hại C nhưng không lấy lời khai những người này để hỏi ý kiến của họ về xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T và bồi thường trách nhiệm dân sự đối với cái chết của bị hại C (chỉ mới lấy lời khai đối với các bà H1, H2 và Th).

- Bị cáo Nguyễn Hữu T sinh sống tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương từ năm 2015 đến ngày 08/10/2017 (ngày xảy ra vụ tai nạn giao thông) nhưng lý lịch của bị can chưa có xác nhận của Công an xã T.

- Xe ô tô hiệu HYUNDAI biển số 47P-0969 hết đăng kiểm vào ngày 22/9/2017 (bút lục số 87), vụ tai nạn giao thông xảy ra vào ngày 08/10/2017 nhưng không có giấy đăng kiểm xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.

- Giấy chứng nhận đăng kiểm, giấy đăng ký xe ô tô là bản phô tô (bút lục số 87) nên không có giá trị pháp lý.

- Tại phần quyết định của bản án ghi: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng là không đúng, phải áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để giải quyết.

Do những sai sót nêu trên đã được khắc phục tại Tòa án cấp phúc thẩm; không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người tham gia tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng không thắc mắc, khiếu nại hoặc kháng cáo nội dung quyết định của bản án sơ thẩm nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm từ những sai sót này.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ. Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là chưa phù hợp.

[8] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng Khoản 1 Điều 202; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27/6/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Hữu T có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu T không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|------------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND huyện D; | 2 |
| - VKSND huyện D; | 1 |
| - Chi cục THADS huyện D; | 1 |
| - Phòng PV27 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an huyện D; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Huy Toàn

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Huỳnh Đức

Trần Văn Luông

Hoàng Huy Toàn